

Số: 02/2020/QĐST - VDS

H, ngày 05 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

**V/v “Tuyên bố một người mất tích”**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT TỈNH KIÊN GIANG**

***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:*** Bà Lê Cẩm Tú.

***Thư ký phiên họp:*** Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất tỉnh Kiên Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên họp:*** Ông Nguyễn Minh Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất tỉnh Kiên Giang mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 17/2019/TLST-VDS ngày 07 tháng 8 năm 2019 về việc “Yêu cầu tuyên bố một người mất tích” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2020/QĐST-VDS ngày 21 tháng 7 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp M, xã S, huyện H, tỉnh K; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Bùi Văn D, sinh năm 1971; địa chỉ: Ấp M, xã S, huyện H, tỉnh K; vắng mặt.

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

*Tại đơn yêu cầu ngày 17/5/2019 và tại phiên họp người yêu cầu giải quyết việc dân sự là chị Nguyễn Thị G trình bày:*

Chồng bà là ông Bùi Văn D đã bỏ địa phương đi từ ngày 30/5/2017 đến nay không rõ đi đâu, làm gì. Bà đã tìm mọi biện pháp để tìm kiếm ông D và có nhờ chính quyền địa phương tìm kiếm giúp nhưng vẫn không xác định được nơi cư trú của ông D.

Để có căn cứ yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung và chia tài sản nên bà làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố một người mất tích đối với ông Bùi Văn D, sinh năm: 1971; nơi cư trú cuối cùng: Ấp M, xã S, huyện H, tỉnh K.

*Tại phiên họp Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết việc dân sự như sau:*

Về tố tụng: Quá trình giải quyết việc dân sự, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định về thủ lý việc dân sự, thẩm quyền giải quyết, xác định đúng yêu cầu giải quyết việc dân sự, tư cách của đương sự, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của đương sự. Tại phiên họp Thẩm phán Chủ tọa phiên họp, Thư ký phiên họp và người yêu cầu giải quyết việc dân sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của bà G tại phiên họp cho thấy yêu cầu của bà G có cơ sở để được chấp nhận. Đề nghị Thẩm phán Chủ tọa phiên họp áp dụng quy định tại Điều 68 của Bộ luật Dân sự và Điều 369, Điều 370 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu tuyên bố ông D mất tích của bà G.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị G có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố một người mất tích đối với ông Bùi Văn D nên quan hệ pháp luật của việc dân sự là “yêu cầu tuyên bố một người mất tích” theo quy định tại khoản 3 Điều 27 của Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS).

Ông D có nơi cư trú cuối cùng tại ấp M, xã S, huyện H, tỉnh K nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về nội dung:

Bà G và ông D chung sống như vợ chồng từ năm 1989, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông, bà có hai người con chung tên Bùi Văn K, sinh năm 1990 và Bùi Văn N, sinh năm 1992. Ông, bà chung sống đến khoảng tháng

30/5/2017 thì phát sinh mâu thuẫn và ông D đã bỏ địa phương đi, không rõ đi đâu, làm gì. Bà G đã áp dụng đầy đủ các biện pháp thông báo, tìm kiếm theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự nhưng vẫn không có tin tức xác thực hiện ông D còn sống hay đã chết.

Theo đơn xác nhận nơi cư trú ngày 05/7/2019, Công an xã S, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xác nhận ông D có nơi cư trú cuối cùng tại ấp M, xã S, huyện H, tỉnh K nhưng đã bỏ địa phương đi từ ngày 30/5/2017, không rõ đi đâu.

Tại khoản 1 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Khi một người biệt tích 02 năm liền trở lên, mặc dù đã áp dụng đầy đủ các biện pháp thông báo, tìm kiếm theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự nhưng vẫn không có tin tức xác thực về việc người đó còn sống hay đã chết thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan, Tòa án có thể tuyên bố mất tích”*.

Ngày 30/7/2019, bà G đã gửi đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố một người mất tích đối với ông D là phù hợp với quy định nêu trên. Ngày 02/01/2020, Tòa án đã ra Quyết định thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố mất tích số 01/2020/QĐ-TA đối với ông D. Thông báo tìm kiếm ông D đã được đăng trên Báo Công lý trong ba số liên tiếp và phát sóng trên Đài Tiếng Nói Việt Nam ba lần trong ba ngày liên tiếp theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 385 của BLTTDS. Kể từ ngày đăng, phát thông báo lần đầu tiên tính đến đã quá 04 tháng nhưng ông D vẫn không trở về. Do đó, yêu cầu tuyên bố ông D mất tích của bà G là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 388, Điều 389 của BLTTDS nên được Tòa án chấp nhận.

[3] Về Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và chi phí tố tụng: Bà G phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm và chi phí thông báo tìm kiếm theo quy định của pháp luật.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 149, Điều 371, khoản 2 Điều 385, khoản 2 Điều 388 và Điều 389 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 68 của Bộ luật Dân sự;

Khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận yêu cầu tuyên bố một người mất tích của bà Nguyễn Thị G đối với ông Bùi Văn D.

Tuyên bố ông Bùi Văn D, sinh năm: 1971 có nơi cư trú cuối cùng tại ấp M, xã S, huyện H, tỉnh K mất tích.

**2.** Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và chi phí tố tụng:

Bà G phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005639 ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Bà G phải chịu chi phí phát sóng thông báo tìm kiếm là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) theo Hóa đơn bán hàng số 0000025 ngày 02 tháng 3 năm 2020 của Đài Tiếng nói Việt Nam – Cơ quan thường trú khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long và chi phí đăng báo tìm kiếm là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000334 ngày 18/3/2020 của Báo Công Lý. Bà G phải chịu tổng chi phí phát sóng và đăng báo là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí phát sóng và đăng báo bà G đã nộp là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

**3.** Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

**4.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi

hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- Công an xã S;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Lê Cẩm Tú**